

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 08/2024/KDTM-ST

Ngày: 25 - 3 - 2024

V/v tranh chấp yêu cầu thanh toán
tiền trong hợp đồng mua bán hàng
hóa

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hoa Hạnh.

Các hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Văn Công;
- Bà Lê Thị Thiện.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Hoàng Tấn – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An xét xử sơ thẩm vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 02/2024/TLST-KDTM ngày 08 tháng 01 năm 2024 về việc tranh chấp yêu cầu thanh toán tiền còn thiếu trong hợp đồng mua bán hàng hóa, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2024/QĐXXST-KDTM ngày 01 tháng 3 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn: Công ty cổ phần Tập đoàn K, trụ sở: 69 N, Phường 13, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Hoàng Đình K, sinh năm 1996; địa chỉ: Thôn M1, xã X, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa - là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 17/10/2023), có mặt.

- Bị đơn: Công ty Cổ phần phát triển công nghiệp K, địa chỉ: Số 1/929 đường Th, khu phố H, phường Thuận Giao, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Tấn L, sinh năm 1985; địa chỉ: X, Phường 25, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình tố tụng người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 02/01/2022, giữa nguyên đơn và bị đơn có ký kết hợp đồng nguyên tắc số 01/HĐNT-KT&KIMTAO-2022, theo hợp đồng nguyên đơn cung cấp một số mặt hàng cho bị đơn như que hàn điện các loại, dây hàn,... Các bên thống nhất thời hạn thanh toán là 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn tài chính. Thực tế giữa nguyên đơn và bị đơn trước đây có làm ăn qua lại, nhưng chỉ sau này thì bị đơn không thanh toán đúng như thỏa thuận mặc dù nguyên đơn đã giao hàng, xuất hóa đơn đúng hạn. Ngày 08/4/2023, nguyên đơn và bị đơn tiến hành đối chiếu công nợ, bị đơn còn nợ nguyên đơn với số tiền 278.877.143đ (hai trăm bảy mươi tám triệu tám trăm bảy mươi bảy nghìn một trăm bốn mươi ba đồng), có xác nhận của bị đơn. Nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bị đơn thanh toán nhưng bị đơn không thực hiện nên nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án buộc Công ty Cổ phần phát triển công nghiệp K thanh toán cho Công ty cổ phần Tập đoàn K tổng số tiền nợ gốc còn thiếu là 278.877.143 đồng và số tiền nợ lãi là 18.834.269 đồng tạm tính đến ngày 24/8/2023 với mức lãi suất 5%/năm theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng đã ký. Buộc Công ty Cổ phần phát triển công nghiệp K phải tiếp tục chịu lãi chậm thanh toán cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ thanh toán cho Công ty cổ phần Tập đoàn K.

Các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp để chứng minh yêu cầu khởi kiện: Hợp đồng nguyên tắc; Phiếu giao hàng; Hóa đơn giá trị gia tăng; Bản đối chiếu công nợ; Công văn gia hạn thời hạn thanh toán công nợ....

- Người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày:

Thông nhất với nội dung trình bày của nguyên đơn về hợp đồng ký kết và khoản công nợ hiện tại. Hiện nay bị đơn xác định còn nợ nguyên đơn số tiền là 278.877.143 đồng. Bị đơn thanh chưa thanh toán cho nguyên đơn do tình hình kinh tế khó khăn.

Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền là 278.877.143 đồng bị đơn đồng ý nhưng bị đơn yêu cầu thanh toán cho nguyên đơn hàng tháng 20.000.000 đồng đến khi hết khoản nợ.

Đối với yêu cầu tính tiền lãi của nguyên đơn thì bị đơn không đồng ý thanh toán vì thực tế doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn trong kinh doanh.

* Tại phiên tòa: - Đại diện nguyên đơn: Vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu, buộc bị đơn phải thanh toán số tiền nợ gốc là 278.877.143 đồng và tiền lãi suất tính đến tại phiên tòa sơ thẩm với mức 5%/năm là 27.009.572đ, như sau:

+ Số tiền hàng ngày 18/3/2022 là 168.072.944đ. Số tiền lãi suất tính từ ngày 17/4/2022.

+ Số tiền hàng ngày 23/3/2022 là 110.804.199đ, số tiền lãi suất tính từ ngày 22/4/2022.

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung giải quyết vụ án: Thẩm

phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định, bị đơn không chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét thẩm tra tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần Tập đoàn K là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần Tập đoàn K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Công ty cổ phần Tập đoàn K khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty Cổ phần phát triển công nghiệp K thanh toán số tiền mua bán hàng hóa còn nợ theo hợp đồng được ký kết nên quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có trụ sở tại phường Thuận Giao, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương theo quy định tại Điều 35, 36 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất các điều khoản trong hợp đồng ký kết và khoản nợ gốc bị đơn chưa thanh toán cho nguyên đơn. Đây là chứng cứ không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.1] Bị đơn thống nhất số tiền nợ gốc 278.877.143 đồng như nguyên đơn trình bày nhưng yêu cầu được trả dần 20.000.000đ/tháng, điều này không được nguyên đơn đồng ý. Đồng thời trong hợp đồng các bên ký kết cũng không thể hiện việc bị đơn được trả dần số tiền còn phải thanh toán. Theo các nội dung hợp đồng thể hiện thời hạn thanh toán là trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận hàng, như vậy việc bị đơn không thanh toán tiền là vi phạm nghĩa vụ nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc 278.877.143đ (hai trăm bảy mươi tám triệu tám trăm bảy mươi bảy nghìn một trăm bốn mươi ba đồng) là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về yêu cầu tính lãi suất: Theo nội dung hợp đồng nguyên tắc các bên ký kết thể hiện bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận hàng, trường hợp chậm thanh toán phải chịu mức lãi suất huy động vốn của ngân hàng Nhà nước quy định tại thời điểm vi phạm. Đây là thỏa thuận tự nguyện của các bên, không trái pháp luật.

Đối chiếu mức lãi suất của Ngân hàng Nhà nước tại thời điểm bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ cho nguyên đơn, cũng như mức lãi suất bình quân hiện tại của 03 ngân hàng cao hơn 5%/năm. Do đó nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất 5%/năm đối với khoản tiền bị đơn chưa thanh toán là phù hợp pháp luật, có lợi cho bị đơn nên có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Bị đơn thừa nhận số tiền nợ gốc nhưng yêu cầu được trả dần và không đồng ý trả lãi suất là không có cơ sở.

[3] Từ phân tích nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần Tập đoàn K đối với bị đơn Công ty Cổ phần phát triển công nghiệp K về việc yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền còn nợ theo hợp đồng mua bán hàng hóa.

[4]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở, phù hợp quy định của pháp luật.

[5]. Về án phí: Công ty Cổ phần phát triển công nghiệp K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 35, 36, 39, 92, 147, 227, 228, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 50 Luật Thương mại;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần Tập đoàn K về việc yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng mua bán hàng hóa đối với Công ty Cổ phần phát triển công nghiệp K.

- Buộc Công ty Cổ phần phát triển công nghiệp K có trách nhiệm thanh toán cho Công ty cổ phần Tập đoàn K số tiền nợ gốc là 278.877.143đ (Hai trăm bảy mươi tám triệu tám trăm bảy mươi bảy nghìn một trăm bốn mươi ba đồng) và số tiền nợ lãi tính đến ngày 25/3/2024 là 27.009.572đ (hai mươi bảy triệu không trăm lẻ chín nghìn năm trăm bảy mươi hai đồng).

Tổng số tiền nợ gốc và lãi Công ty Cổ phần phát triển công nghiệp K có trách nhiệm thanh toán cho Công ty cổ phần Tập đoàn K là 305.886.715đ (Ba trăm lẻ năm triệu tám trăm tám mươi sáu nghìn bảy trăm mười lăm đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí sơ thẩm:

- Công ty Cổ phần phát triển công nghiệp K phải chịu 15.294.335đ (mười lăm triệu hai trăm chín mươi bốn nghìn ba trăm ba mươi lăm đồng) án phí sơ thẩm.

- Trả lại cho Công ty cổ phần Tập đoàn K số tiền 7.442.785đ (bảy triệu bốn trăm bốn mươi hai nghìn bảy trăm tám mươi lăm đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001083 ngày 03/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS TP Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Hoa Hạnh